

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & THIẾT KẾ CNP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & THIẾT KẾ CNP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CNP VIETNAM DESIGN & CONSULTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CNP VIETNAM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109890456

**3. Ngày thành lập:** 19/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

P.4223 Tòa C2 D'Capitale, 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973163185

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                             | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662 |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>Ủy thác xuất nhập khẩu                                                                                                                                                                                          | 8299 |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn thuế, pháp luật, tài chính, kiểm toán, kế toán,<br>chứng khoán, Hoạt động vận động hành lang)                                                                                                                                                                                                                     | 7020 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Khảo sát địa hình</p> <p>Khảo sát địa chất công trình</p> <p>Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</p> <p>Kiểm định xây dựng;</p> <p>Thiết kế quy hoạch xây dựng</p> <p>Thiết kế kết cấu công trình</p> <p>Thiết kế cơ - điện công trình</p> <p>Thiết kế cấp - thoát nước công trình</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình giao thông</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều</p> <p>Giám sát công tác xây dựng công trình</p> <p>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình</p> <p>Định giá xây dựng</p> <p>Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình</p> <p>Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</p> <p>Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</p> <p>Đo bóc khối lượng;</p> <p>Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</p> <p>Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</p> <p>Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</p> <p>Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình</p> | 7110(Chính) |
| 13. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 14. | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>(trừ loại nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 15. | <p>Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>(trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4774        |
| 16. | <p>Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ</p> <p>(trừ hoạt động đấu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4784        |
| 17. | <p>Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ</p> <p>(trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4789        |

|     |                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                           | 4791 |
| 19. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                      | 4799 |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                            | 7730 |
| 21. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                         | 4101 |
| 22. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                   | 4102 |
| 23. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                             | 4211 |
| 24. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                              | 4212 |
| 25. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                  | 4221 |
| 26. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                       | 4222 |
| 27. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                        | 4223 |
| 28. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                         | 4229 |
| 29. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                  | 4291 |
| 30. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                           | 4292 |
| 31. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                     | 4293 |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                | 4299 |
| 33. | Phá dỡ                                                                                                                                                                    | 4311 |
| 34. | Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                  | 4312 |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                     | 4321 |
| 36. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4753 |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4759 |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí; trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm) | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRINH VĂN THẮNG | Việt Nam  | A1712 CC HH01A-KĐTM Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                          | 500.000.000           | 50,000    | 035088003482                                                                                            |         |
| 2   | MAI QUANG KHẢI  | Việt Nam  | 136-Khu B TT ĐH Kiến Trúc Hà Nội, Km 10 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 500.000.000           | 50,000    | B9922288                                                                                                |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRINH VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/02/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035088003482

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: A1712 CC HH01A-KĐTM Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: A1712 CC HH01A-KĐTM Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội